

Số: 1743/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 18 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hủy bỏ các công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND tỉnh Nghị quyết thông qua danh mục hủy bỏ thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 601/TTr-STNMT ngày 16/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh với những nội dung sau:

1. Hủy bỏ 184 dự án công trình dự án sau 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất, chưa chuyển mục đích sử dụng đất, trong đó:

- 117 dự án thu hồi đất với tổng diện tích 234,08 ha trong danh mục kèm theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 04/12/2014 của HĐND tỉnh.

- 67 dự án chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích 210,61 ha trong danh mục kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 16/7/2014, Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 04/12/2014 của HĐND tỉnh.

(Chi tiết có biểu 01 kèm theo)

2. Hủy bỏ 106 dự án đã được HĐND tỉnh quyết nghị thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất chưa quá 3 (ba) năm nhưng do chủ đầu tư không cân đối được nguồn vốn để thực hiện, trong đó:

- 72 dự án thu hồi đất với tổng diện tích 268,72 ha trong danh mục kèm theo Nghị quyết số 125/NQ-HĐND ngày 08/7/2015, Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 10/12/2015, Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh.

- 34 dự án chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích là 91,69 ha trong danh mục kèm theo Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 08/7/2015, Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 10/12/2015, Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh.

(Chi tiết có biểu 02 kèm theo)

Lý do hủy bỏ: Theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND các huyện, thành phố:

- Công khai danh sách các dự án, công trình đã hủy bỏ tại UBND các xã, phường, thị trấn có công trình, dự án hủy bỏ tại Điều 1 Quyết định này.

- Thông báo cho các hộ dân thuộc khu vực các dự án đã hủy bỏ được tiếp tục sử dụng đất theo mục đích đã được giao, cho thuê.

- Báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 15/8/2018.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường: Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công bố công khai của UBND các huyện, thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- TT tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các sở, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND, các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Các phòng: KT, TH – Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT- Hiệu 50 bản

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hải

**Biểu 01**

DANH MỤC HUY BỎ VIỆC THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH SAU 3 NĂM CHƯA CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Tổng diện tích (m ²)	Đất rừng đặc dụng (m ²)	Đất rừng phòng hộ (m ²)	Đất chuyên trồng lúa nước (m ²)	Đất trồng lúa còn lại (m ²)	Đất khác còn lại (m ²)	Ghi chú
A	DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT	117	2.340.834	0	491.000	13.600	64.438	1.771.796	
	NGHỊ QUYẾT SỐ 112/NQ-HDDND NGÀY 04/12/2014	117	2.340.834	0	491.000	13.600	64.438	1.771.796	
	HUYỆN YÊN CHÂU								
1	Mở rộng Thao trường bản huyện (xã Chiềng Hặc)	Xã Chiềng Hặc	200.000					200.000	
2	Xưởng chế biến chè Phiêng Khoài (xã Phiêng Khoài)	Xã Phiêng Khoài	20.400					20.400	
3	Thăm dò khai thác than đá Mường Lựm	Xã Mường Lựm	10.700					10.700	
4	Thăm dò khai thác điểm than nâu Tà Ván	Xã Lóng Phiêng	10.000					10.000	
5	Cơ sở sản xuất gạch, ngói (xã Phiêng Khoài)	Xã Phiêng Khoài	15.000					15.000	
6	Tuyến đường Tô Pang - Tắt Héo	Xã Chiềng Păn	24.000					24.000	
7	Tuyến đường QL 6 TT Yên Châu - Viêng Lán	Huyện Yên Châu	18.000					18.000	
8	Trạm đăng kiểm xe cơ giới	Huyện Yên Châu	2.000					2.000	
9	Tuyến đường ngã ba Huổi Hẹ - dốc Công An	Huyện Yên Châu	11.000					11.000	
10	Tuyến đường TT xã - bản Đông	Huyện Yên Châu	10.000					10.000	
11	Tuyến đường Bản Cang (Chiềng Hặc) - Bản Hiêm (Chiềng Khoi)	Huyện Yên Châu	15.000					15.000	
12	Tuyến đường Chiềng Hặc - Mường Lựm	Huyện Yên Châu	6.000					6.000	
13	Tuyến đường Pha Cúng - Long Lán	Huyện Yên Châu	12.000					12.000	
14	Tuyến đường Xúm 2 - bản Đán Đanh	Huyện Yên Châu	18.000					18.000	
15	Tuyến đường TL103 - B. Huổi Sai	Huyện Yên Châu	15.000					15.000	
16	Tuyến đường TL103 - B. Bó Ngòi	Huyện Yên Châu	17.000					17.000	
17	Tuyến đường TL103 - B. Páo Cúa	Huyện Yên Châu	20.000					20.000	
18	Tuyến đường Keo Đồn - Ta Liễu	Huyện Yên Châu	12.000					12.000	
19	Tuyến đường TT xã - Co Tôm	Huyện Yên Châu	11.000					11.000	
20	NVH bản Hang Mon 1 (xã Lóng Phiêng)	Xã Lóng Phiêng	500					500	
21	NVH bản Co Mon (xã Phiêng Khoài)	Xã Phiêng Khoài	500					500	
22	QH đất ở nông thôn xã Chiềng Sàng	Xã Chiềng Sàng	29.300					29.300	
23	QH đất ở nông thôn xã Viêng Lán	Xã Viêng Lán	11.500					11.500	
24	QH đất ở thị trấn	TT Yên Châu	8.100					8.100	
25	QH giãn dân (bản Chiềng Ban II)	Xã Tú Nang	20.000					20.000	
26	Thao trường quân sự (Khu Nà Sanh)	Xã Yên Sơn	20.000					20.000	
27	Trụ sở UBND xã (bản Chiềng Hưng)	Xã Yên Sơn	2.200					2.200	
28	Khu giãn dân bản Luông	Xã Mường Lựm	26.259					26.259	
29	Khu giãn dân bản Na Hát	Xã Mường Lựm	10.147					10.147	
30	Căn cứ hậu phương	Xã Mường Lựm	5.000					5.000	
31	Mỏ than Khe Lay	Xã Mường Lựm	10.000					10.000	
32	Khu giãn dân bản Trạm Hóc	Xã Chiềng On	30.000					30.000	
33	Khu giãn dân Pa Nó, bản Khuông	Xã Chiềng On	20.000					20.000	
34	Khu giãn dân Keo Cai, bản Nà Cai	Xã Chiềng On	20.000					20.000	
35	Khu giãn dân Xác Sến, bản Tráng Nậm	Xã Chiềng On	10.000					10.000	
36	Khu vui chơi giải trí	TT Yên Châu	10.221					10.221	
37	Tuyến đường Xã Chiềng Khoi - Xã Phiêng Khoài	Huyện Yên Châu	62.100				6.000	56.100	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Tổng diện tích (m ²)	Đất rừng đặc dụng (m ²)	Đất rừng phòng hộ (m ²)	Đất chuyên trồng lúa nước (m ²)	Đất trồng lúa còn lại (m ²)	Đất khác còn lại (m ²)	Ghi chú
38	Dự án Bến xe khách huyện Yên Châu	Xã Sập Vạt	3.200				3.200	-	
39	Tuyến đường QL 6 - Nà Phiêng - bản Cang	Huyện Yên Châu	6.000				2.000	4.000	
40	Xây dựng hệ thống thủy lợi xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	2.000			1.000	1.000	-	
41	Xây dựng hệ thống thủy lợi xã Chiềng Sàng	Xã Chiềng Sàng	3.000		2.000		1.000	-	
42	Xây dựng hệ thống thủy lợi xã Chiềng Pả	Xã Chiềng Pả	1.100			500	600	-	
43	Xây dựng hệ thống thủy lợi xã Viêng Lán	Xã Viêng Lán	5.400		200	5.200		-	
44	Xây dựng hệ thống thủy lợi xã Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc	1.300		100	200		1.000	
45	Xây dựng hệ thống thủy lợi xã Tú Nang	Xã Tú Nang	6.800		100	1.000	5.700	-	
46	Xây dựng hệ thống thủy lợi xã Chiềng On	Xã Chiềng On	1.500		1.000			500	
47	Trung tâm y tế dự phòng huyện	Xã Sập Vạt	3.500				3.500	-	
48	Xây mới trường mầm Hòa Bình	Xã Chiềng Đông	500				300	200	
49	Xây dựng trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	Xã Sập Vạt	1.600				1.600	-	
50	Sân vận động xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	5.000				2.000	3.000	
51	Sân vận động xã Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc	5.000				5.000	-	
52	QH đất ở nông thôn xã Sập Vạt	Xã Sập Vạt	15.600				2.500	13.100	
53	QH đất ở nông thôn xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	12.000				12.000	-	
54	Chợ Nông Thôn (Đầu cầu cứng TT xã Yên Sơn)	Xã Yên Sơn	3.000			3.000		-	
55	Khu giãn dân bản Na Láng	Xã Mường Lựm	9.991				207	9.784	
56	Khu giãn dân bản Na Báng	Xã Mường Lựm	2.086				256	1.830	
57	Trung tâm chính trị huyện (bản Nghè)	Xã Sập Vạt	3.600				3.600	-	
58	Trung tâm Y tế huyện (bản Nghè)	Xã Sập Vạt	3.442				3.442	-	
59	Khai thác chế biến than khoáng sản (mỏ than Mường Lựm, huyện Yên Châu) của Công ty cổ phần xi măng Mai Sơn	Xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	169.000		169.000			-	
60	Đất xây kho vật chứng CA huyện (xã Sập Vạt)	Xã Sập Vạt	1.100				1.100	-	
	HUYỆN SÔNG MÃ	-							
1	Nước sinh hoạt trung tâm cụm xã Mường Lầm	Xã Mường Lầm	1.800					1.800	
2	Nhà văn hóa bản Nà Ngần	Xã Mường Hung	500					500	
3	Nhà văn hóa bản Huổi Pát	Xã Đứa Mòn	500					500	
	HUYỆN MAI SƠN	-							
1	Làm đường nội bản bản Ta Túc (đường BT)	Xã Phiêng Pả	7.200					7.200	
2	Cầu trần bản Nà Hạ	Xã Nà Ốt	3.000					3.000	
3	Cầu treo bản Phiêng Mụ đi trung tâm xã Phiêng Cắm	Xã Phiêng Cắm	6.000					6.000	
4	Đường giao thông Xưởng Chè - Tiểu khu 1	Thị trấn Hát Lót	180.000					180.000	
5	Đường nội đồng bản Nà Hùn	Xã Chiềng Chăn	1.000					1.000	
6	Đường nội đồng điểm tái định cư Bó Lý	Xã Chiềng Sung	6.000					6.000	
7	Đường vào nghĩa địa Bó Lý	Xã Chiềng Sung	2.000					2.000	
8	Đường vào nghĩa địa Tân Pầu 1	Xã Mường Báng	200					200	
9	Cầu treo bản Tra - Mai Tiên	Xã Mường Bon	5.000					5.000	
10	Nước sinh hoạt xã Chiềng Lương	Xã Chiềng Lương	4.000					4.000	
11	Nâng cấp kênh mương bản Bông	Xã Mường Chanh	3.000					3.000	
12	Cải tạo nâng cấp hồ chứa nước Đen Phưong	Xã Chiềng Chăn	16.800					16.800	
13	Cơ sở giết mổ gia súc	Xã Cò Nòi	1.000					1.000	
14	Cơ sở giết mổ gia súc	Thị trấn Hát Lót	1.000					1.000	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Tổng diện tích (m2)	Đất rừng đặc dụng (m2)	Đất rừng phòng hộ (m2)	Đất chuyên trồng lúa nước (m2)	Đất trồng lúa còn lại (m2)	Đất khác còn lại (m2)	Ghi chú
15	Đất khu công nghiệp xã Chiềng Ban	Xã Chiềng Ban	50.000					50.000	
16	Đường GTNT bản Ít Hò - Săm Tả	Xã Chiềng Chung	210.000		155.000			55.000	
17	Đường GTNT bản Pon - bản Bơ	Xã Tà Hộc	27.000			2.000		25.000	
18	Đường giao thông từ Trung tâm xã Phiềng Păn đi xã Chiềng On	Xã Phiềng Păn	200.000		25.400			174.600	
19	Nước sinh hoạt bản Nà Dươi	Xã Nà Bó	3.300			600		2.700	
20	Thủy lợi Chiềng Mai, Nà Săn	Xã Chiềng Mai, Chiềng Mung	20.000				5.000	15.000	
21	Hệ thống điện sinh hoạt bản Thẩm Phẳng	Xã Chiềng Lương	5.600		2.000			3.600	
22	Trụ sở UBND xã	Xã Chiềng Kheo	5.000		2.500			2.500	
23	Trụ sở UBND xã	Xã Tà Hộc	5.000		2.500			2.500	
24	Trụ sở UBND xã	Xã Nà Ốt	2.000		2.000			-	
25	Khu dân cư bản Kết Nà	Xã Phiềng Păn	12.000		12.000			-	
26	Khuôn viên cây xanh khu Huyện đội và Tiểu khu 5	Thị trấn Hát Lót	10.500		2.000			8.500	
27	Dự án đường giao thông vào điểm TĐC Huổi Tăm, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn	Huyện Mai Sơn	111.300			100	100	111.100	
	HUYỆN PHÙ YÊN	-							
1	Đường Mường Do (Suối Han 1) huyện Phù Yên tỉnh Sơn La đến Bến Thân, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ	Huyện Phù Yên	69.000		69.000			-	
	HUYỆN MỘC CHÂU	-							
1	Xây dựng Trạm Bảo vệ thực vật Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Huyện Mộc Châu	2.600					2.600	
2	Xây dựng khu tái định cư để GPMB xây dựng Cụm Công nghiệp Mộc Châu và một số dự án	Huyện Mộc Châu	13.806					13.806	
3	Xây dựng Trạm xử lý nước sạch Bó Bun thuộc dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước đô thị huyện Mộc Châu, tại tiểu khu Nhà nghỉ Thị trấn Nông trường Mộc Châu	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	169					169	
4	Xây dựng trạm xử lý nước sạch tiểu khu 67 thuộc dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước đô thị huyện Mộc Châu tại tiểu khu 68 thị trấn Nông trường Mộc Châu	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	380					380	
5	Triển khai thực hiện khu quy hoạch cây xanh tại khu trung tâm hành chính mới huyện Mộc Châu - tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu (giáp trụ sở Huyện ủy và trụ sở HĐND - UBND huyện)	TT Mộc Châu	26.700					26.700	
	HUYỆN THUẬN CHÂU	-							
1	Xây dựng trường mầm non Hoa Mai, xã Mường É	Xã Mường É	1.200					1.200	
	HUYỆN BẮC YÊN	-							
1	Thao trường bắn cấp huyện	TT Bắc Yên	14.400		12.400			2.000	
2	Kho vật chứng công an huyện Bắc Yên	TT Bắc Yên	4.133				4.133	-	
	HUYỆN QUỲNH NHAI								
1	Khai thác sét gạch ngói bản Phiềng Nèn	Xã Mường Giàng	15.000					15.000	
2	Cửa hàng sách xã Mường Chiên	Xã Mường Chiên	200					200	
3	XD TT điều dưỡng xã Mường Giàng	Xã Mường Giàng	5.000					5.000	
4	XD TT dạy nghề xã Mường Giàng	Xã Mường Giàng	5.000					5.000	
5	Bãi rác TT xã Mường Sại	Xã Mường Sại	15.000					15.000	
6	Vệ sinh môi trường + Cây xanh đô thị, bãi rác	H. Quỳnh Nhai	100.000					100.000	
7	Bãi rác TT xã Nậm É	Xã Nậm É	1.500					1.500	
8	Đường bản Lý - Phông Lái dài 3 km	H.Quỳnh Nhai	6.000					6.000	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Tổng diện tích (m ²)	Đất rừng đặc dụng (m ²)	Đất rừng phòng hộ (m ²)	Đất chuyên trồng lúa nước (m ²)	Đất trồng lúa còn lại (m ²)	Đất khác còn lại (m ²)	Ghi chú
9	Đường bản Lý, Hua Lý - Chiềng Pha (Thuận Châu)	H.Quỳnh Nhai	7.000		2.300			4.700	
10	Mở mới đường Kéo Ca - Đán Đón Mường Giôn	Xã Mường Giôn	91.000		21.000			70.000	
11	Đường bản Đông - Phiêng Tở dài 3 km	H.Quỳnh Nhai	4.500		1.500			3.000	
12	Đường bản Hậu - Chiềng Pha (T.Châu) dài 3 km	H.Quỳnh Nhai	5.900		2.000			3.900	
13	Đường TL 107 - bản He (C. Khoang) dài 1 km	Xã Chiềng Khoang	900		200			700	
14	Đường bản Hán A - bản He dài 2 km	H.Quỳnh Nhai	4.400				200	4.200	
15	Đường Thẩm Căng - bản Cà dài 5 km	H.Quỳnh Nhai	10.000		2.400			7.600	
16	Tuyến đường Chiềng Ngâm - Nậm Êt	Xã Nậm Êt	15.800		4.000			11.800	
17	Đường vào bản Huổi Vắn - Huổi Ngà 4 km	H.Quỳnh Nhai	8.900		400			8.500	
HUYỆN MƯỜNG LA									
1	Khu giết mổ gia súc tập trung (TK II)	Xã Mường Bú	3.000					3.000	
B	DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	67	2.106.152	-	1.970.590	65.974	69.588		
I	NGHỊ QUYẾT SỐ 76/NQ-HĐND NGÀY 16/7/2014	4	204.160	0	198.090	0	6.070		
HUYỆN MAI SƠN									
1	Công trình đường dây 220Kv thị xã Sơn La - trạm 500Kv Sơn La	Các huyện: Mường La, Mai Sơn	2.920		2.920				
2	Tuyến đường dây 500KV Hiệp Hòa - Sơn La	Các huyện: Mường La, Mai Sơn	35.200		35.200				
3	Thao trường huấn luyện Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Sơn La (bản Xuân Quế, Hua Noong, Tân Quỳnh)	Xã Cò Nòi	120.570		117.470		3.100		
HUYỆN MƯỜNG LA									
1	Nhà máy Thủy điện Nậm Chim 2	Xã Chiềng Ân	45.470		42.500		2.970		
II	NGHỊ QUYẾT SỐ 111/NQ-HĐND NGÀY 04/12/2014	63	1.901.992	0	1.772.500	65.974	63.518	0	0
HUYỆN YÊN CHÂU									
1	Tuyến đường xã Chiềng Khoi - xã Phiêng Khoài	H.Yên Châu	6.000				6.000		
2	Dự án Bến xe khách huyện Yên Châu	Xã Sập Vạt	3.200				3.200		
3	Tuyến đường QL 6 - Nà Phiêng - bản Cang	H.Yên Châu	2.000				2.000		
4	Xây dựng hệ thống thủy lợi xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	2.000			1.000	1.000		
5	Xây dựng hệ thống thủy lợi xã Chiềng Sàng	Xã Chiềng Sàng	3.000		2.000		1.000		
6	Xây dựng hệ thống thủy lợi xã Chiềng Păn	Xã Chiềng Păn	1.100			500	600		
7	Xây dựng hệ thống thủy lợi xã Viêng Lán	Xã Viêng Lán	5.200			5.200			
8	Xây dựng hệ thống thủy lợi xã Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc	300		100	200			
9	Xây dựng hệ thống thủy lợi xã Tú Nang	Xã Tú Nang	6.800		100	1.000	5.700		
10	Xây dựng hệ thống thủy lợi xã Chiềng On	Xã Chiềng On	1.000		1.000				
11	Trung tâm Y tế dự phòng huyện (xã Sập Vạt)	Xã Sập Vạt	3.500				3.500		
12	Xây mới trường mầm Hòa Bình (xã Chiềng Đông)	Xã Chiềng Đông	300				300		
13	Xây dựng trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện (xã Sập Vạt)	Xã Sập Vạt	1.600				1.600		
14	Sân vận động xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	2.000				2.000		
15	Sân vận động xã Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc	5.000				5.000		
16	QH đất ở nông thôn xã Sập Vạt	Xã Sập Vạt	2.500				2.500		
17	QH đất ở nông thôn xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	12.000				12.000		
18	Chợ Nông thôn (Đầu cầu cứng TT xã Yên Sơn)	Xã Yên Sơn	3.000			3.000			
19	Trung tâm Chính trị huyện	Xã Sập Vạt	3.600				3.600		

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Tổng diện tích (m2)	Đất rừng đặc dụng (m2)	Đất rừng phòng hộ (m2)	Đất chuyên trồng lúa nước (m2)	Đất trồng lúa còn lại (m2)	Đất khác còn lại (m2)	Ghi chú
20	Trung tâm Y tế huyện	Xã Sập Vạt	3.422				3.422		
21	Khai thác chế biến than khoáng sản (mỏ than Mường Lựm, huyện Yên Châu) của Công ty cổ phần xi măng Mai Sơn	Xã Mường Lựm	169.000		169.000				
22	Khu giãn dân bản Na Lắng	Xã Mường Lựm	207				207		
23	Khu giãn dân bản Na Băng	Xã Mường Lựm	256				256		
HUYỆN MAI SƠN									
1	Nhà văn hóa điểm TĐC bản Mé	Xã Chiềng Chung	300		300				
2	Nhà văn hóa điểm TĐC bản Ngòi	Xã Chiềng Chung	200		200				
3	Nhà trẻ, mẫu giáo chung cho 2 điểm TĐC bản Mé và bản Nà Ngòi (2 phòng học + 1 phòng phụ)	Xã Chiềng Chung	500		500				
4	Đường GTNT bản Ít Hồ - Sam Ta	Xã Chiềng Chung	155.000		155.000				
5	Đường GTNT bản Pơn - bản Bơ	H. Mai Sơn	2.000			2.000			
6	Đường GTNT nội bộ điểm TĐC bản Mé, bản Ngòi	Xã Chiềng Chung	45.000		45.000				
7	Đường nội đồng ra khu sản xuất bản Ngòi	Xã Chiềng Chung	15.000		15.000				
8	Đường nội đồng ra khu sản xuất bản Mé	Xã Chiềng Chung	5.500		5.500				
9	Đường giao thông từ trung tâm xã Phiềng Păn đi xã Chiềng On	Xã Phiềng Păn	25.400		25.400				
10	Công trình nước sinh hoạt điểm TĐC bản Ngòi	Xã Chiềng Chung	1.000		1.000				
11	Công trình nước sinh hoạt điểm TĐC bản Mé	Xã Chiềng Chung	500			500			
12	Nước sinh hoạt Nong Lay - Co Trai	Xã Mường Bằng	1.500			1500			
13	Nước sinh hoạt bản Nà Hùn	Xã Chiềng Chăn	100			100			
14	Nước sinh hoạt bản Nà Dưới	Xã Nà Bó	600			600			
15	Thủy lợi Chiềng Mai, Nà Sắn	Xã Chiềng Mai, Chiềng Mung	5.000				5000		
16	Xây dựng khu nghĩa địa điểm TĐC bản Mé, bản Ngòi	Xã Chiềng Chung	10.000		10.000				
17	Cấp điện sinh hoạt cho khu tái định cư bản Mé, bản Ngòi	Xã Chiềng Chung	2.000		2.000				
18	Hệ thống điện sinh hoạt bản Thẩm Phẳng	Xã Chiềng Lương	2.000		2.000				
19	Trụ sở UBND xã Chiềng Kheo	Xã Chiềng Kheo	2.500		2.500				
20	Trụ sở UBND xã Tà Hộc	Xã Tà Hộc	2.500		2.500				
21	Trụ sở UBND xã Nà Ốt	Xã Nà Ốt	2.000		2.000				
22	Khu dân cư điểm tái định cư bản Mé, bản Ngòi	Xã Chiềng Chung	50.000		50.000				
23	Khuôn viên cây xanh khu Huyện đội và Tiểu khu 5	TT Hát Lót	2.000		2.000				
24	Khu dân cư bản Kết Nà	Xã Phiềng Păn	12.000		12.000				
25	Dự án tái định cư bản Mé, bản Ngòi xã Chiềng Chung	Xã Chiềng Chung	1.151.500		1.151.500				
HUYỆN PHÙ YÊN									
1	Đường Mường Do (Suối Han 1) huyện Phù Yên tỉnh Sơn La đến Bến Thân, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ	Huyện Phù Yên	69.000		69.000				
HUYỆN MỘC CHÂU									
1	Dự án đầu tư xây dựng khu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KHCV về nông lâm nghiệp tại huyện Mộc Châu	Huyện Mộc Châu	50.374			50.374			
HUYỆN BẮC YÊN									
1	Kho vật chứng công an huyện Bắc Yên	TT Bắc Yên	4.133				4.133		
2	Thao trường bán cấp huyện	TT Bắc Yên	12.400		12.400				
HUYỆN QUỲNH NHAI									
1	Đường bản Lý - Phổng Lái dài 3 km	H.Quỳnh Nhai	500		500				Thực hiện theo NQ 137

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Tổng diện tích (m ²)	Đất rừng đặc dụng (m ²)	Đất rừng phòng hộ (m ²)	Đất chuyên trồng lúa nước (m ²)	Đất trồng lúa còn lại (m ²)	Đất khác còn lại (m ²)	Ghi chú
2	Đường bản Hậu - Chiềng Pha (T.Châu) dài 3 km	H.Quỳnh Nhai	2.000		2.000				Thực hiện theo NQ 137
3	Đường bản Đông - Phiềng Tở dài 3 km	H.Quỳnh Nhai	1.500		1.500				không thực hiện
4	Đường TL 107 - bản He (Chiềng Khoang) dài 1 km	Xã Chiềng Khoang	200		200				không thực hiện
5	Đường bản Hán A - bản He dài 2 km	H.Quỳnh Nhai	500				500		không thực hiện
6	Tuyến đường Chiềng Ngâm - Nậm É	H.Quỳnh Nhai	4.000		4.000				không thực hiện
7	Đường vào bản Huổi Vắn - Huổi Ngà 4 km	H.Quỳnh Nhai	400		400				không thực hiện
8	Đường đi bản Nậm É - Co Muông xã Nậm É	Xã Nậm É	200		200				không thực hiện
9	Đường bản Lý, Hua Lý - Chiềng Pha (Thuận Châu)	H.Quỳnh Nhai	2.300		2.300				không thực hiện
10	Mở mới đường Kéo Ca - Đán Đón - Mường Giôn	Xã Mường Giôn	21.000		21.000				không thực hiện
11	Đường Thăm Căng - bản Cà dài 5 km	H.Quỳnh Nhai	2.400		2.400				không thực hiện

Biểu 02

DANH MỤC HỦY BỎ VIỆC THU HỒI, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH CHƯA ĐỦ 3 NĂM NHƯNG CHỦ ĐẦU TƯ KHÔNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC VỐN ĐỂ THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Tổng diện tích (m ²)	Đất rừng đặc dụng (m ²)	Đất rừng phòng hộ (m ²)	Đất chuyên trồng lúa nước (m ²)	Đất trồng lúa còn lại (m ²)	Đất khác còn lại (m ²)	Ghi chú
A	DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT	72	2.687.229	-	286.000	347.463	308.404	1.745.362	
1	NGHỊ QUYẾT SỐ 125/NQ-HĐND NGÀY 08/7/2015	24	862.057	-	119.000	148.862	11.702	582.493	
	HUYỆN YÊN CHÂU								
1	Đường tránh Quốc lộ 6 - Đoạn qua Thị trấn Yên Châu	Xã Sập Vạt, TT Yên Châu, xã Viêng Lán, xã Chiềng Păn	317.000		15.000	36.000	10.000	256.000	
	HUYỆN SÓP CỘP								
1	Nhà Văn Hóa bán Hua Mường, xã Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp	500					500	
	HUYỆN MAI SƠN	-							
1	Công trình đường nội đồng điểm TĐC 428-Nà Săng	Bản Nà Săng xã Hát Lót	6.500		3.000			3.500	
2	Công trình đường vào nghĩa địa điểm TĐC Bó Lý (Trình bổ sung so với Nghị quyết 112/NQ-HĐND ngày 4/12/2014)	Bản Bó Lý xã Chiềng Sung	1.000					1.000	
3	Công trình nước sinh hoạt điểm TĐC Nong Lay - Co Trai xã Mường Bằng	Bản Săng xã Mường Bằng	2.100			2.000		100	
4	Công trình nước sinh hoạt điểm TĐC Nong Lay-Co Trai xã Mường Bằng	Bản Bằng xã Mường Bằng	1.200					1.200	
5	Công trình nước sinh hoạt điểm TĐC Nong Lay-Co Trai xã Mường Bằng	Bản Co Trai, Quỳnh Trai xã Mường Bằng	1.000					1.000	
6	Công trình nước sinh hoạt điểm TĐC Nong Lay-Co Trai xã Mường Bằng	Bản Nong Lay, Quỳnh Trai, xã Mường Bằng	300					300	
7	Công trình nước sinh hoạt điểm TĐC bản Chi xã Chiềng Lương	Bản Chi xã Chiềng Lương	1.500					1.500	
8	Đường đến điểm TĐC bản Mé và bản Ngòi, xã Chiềng Chung	Bản Ngòi, bản Mé, xã Chiềng Chung	20.000					20.000	
9	Công trình nước sinh hoạt điểm TĐC Nong Lay-Co Trai xã Mường Bằng	Bản Cáp xã Mường Bằng	1.200			500	200	500	
10	Nước sinh hoạt bản Heo	Bản Heo, xã Tả Hắc	8.000					8.000	
11	Đường Hát Lót-Chiềng Mung (Bản Nà Nghè) - điểm TĐC bản Tiến Sơn	Huyện Mai Sơn	5.000					5.000	
12	Đường 117 đoạn Km 5 - Km 19+800 (Bản Mòng - Mường Chanh)	Huyện Mai Sơn - Thành phố	17.400					17.400	
13	Công trình nước sinh hoạt điểm TĐC Nong Lay-Co Trai xã Mường Bằng	Bản Bó xã Mường Bằng	1.000			200	100	700	
14	Công trình đường nội đồng điểm TĐC bản Chi xã Chiềng Lương	Bản Y Lường, bản Tra xã Chiềng Lương	3.200		1.000			2.200	
	HUYỆN PHÙ YÊN	-							
1	Nhà máy thủy điện tích năng Đông Phù Yên	Xã Mường Lang	323.000		100.000	60.000		163.000	Nguồn kinh phí lớn chưa thu hút được nhà đầu tư
2	Tuyến đường đô thị từ chợ thực phẩm huyện Phù Yên từ Đồng Đa - Chợ thực phẩm đến Đình Chu xã Quang Huy	Xã Quang Huy	30.000			30.000		-	Không khả thi
	HUYỆN QUỲNH NHAI	-							

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Tổng diện tích (m2)	Đất rừng đặc dụng (m2)	Đất rừng phòng hộ (m2)	Đất chuyên trồng lúa nước (m2)	Đất trồng lúa còn lại (m2)	Đất khác còn lại (m2)	Ghi chú
1	Đường TTX - Bó Ún (giai đoạn 2) ngoài phạm vi GPMB xã Nậm É	Xã Nậm É	18.746			12.645		6.101	không thực hiện
2	Bãi đổ rác thải bản Huổi Ná xã Chiềng Ôn	Xã Chiềng Ôn	15.000					15.000	không thực hiện
3	Cấp điện cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Chiềng Bằng	Xã Chiềng Bằng	44					44	Trùng NQ 112 đã thực hiện
4	Đường GTNT TT xã - bản Muông, bản Cọ, bản Cà Bồng xã Nậm É (ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng)	Xã Nậm É	38.489			6.485	542	31.462	không thực hiện
5	Dự án cấp điện sinh hoạt điểm TĐC Huổi Khinh 1+2 xã Chiềng Ôn	Xã Chiềng Ôn	400					400	Trùng NQ 112 đã thực hiện
6	Đường Huổi Tăm - Nà Phi xã Mường Sại	Xã Mường Sại	49.478			1.032	860	47.586	không thực hiện
II	NGHỊ QUYẾT SỐ 138/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2015	35	302.902	0	44.000	3.401	13.302	242.199	
	HUYỆN SÓP CỘP								
1	Nhà văn hóa bản Hua Mường	Xã Sốp Cộp	600					600	
	HUYỆN MAI SƠN								
1	Trụ sở làm việc Trạm Bảo vệ thực vật huyện Mai Sơn	Huyện Mai Sơn	1.073					1.073	
2	Trụ sở xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	701					701	
3	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tà Hộc	Xã Tà Hộc	3.000					3.000	
4	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Chiềng Kheo	Xã Chiềng Kheo	3.000					3.000	
5	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Chiềng Mung	Xã Chiềng Mung	10.776					10.776	
6	Đường Chiềng Ngần-Hát Lót đi bản Tra, bản Mai Tiên xã Mường Bon hạng mục bổ sung cầu treo	Bản Xa Cẩn, Xã Mường Bon	1.200			200		1.000	
7	Công trình đường nội đồng điểm TĐC 428 - Nà Sắng	Bản Nà Sắng, Xã Hát Lót	6.500		3000			3.500	
8	Công trình đường nội đồng điểm TĐC bản Chi xã Chiềng Lương	B. Ý Lường, B.Tra xã Chiềng Lương	3.200		1000			2.200	
9	Quốc lộ 6 đi xã Hát Lót	Xã Hát Lót	12.809					12.809	
10	Đường giao thông nông thôn bản Lù-Phiêng Nọi	Xã Chiềng Lương	9.000					9.000	
11	Đường GTNT bản Ít Hò-Sam Ta	Xã Chiềng Chung	15.000					15.000	
12	Đường GTNT bản Nghịu-bản Nam-Sam Ta-Ít hồ-bản Mế	Xã Chiềng Chung	17.000					17.000	
13	Đường GTNT nội bản Ta Lúc	Xã Nà Ốt	1.200					1.200	
14	Đường GTNT Nà Mòn-Ta Vắt	Xã Nà Ốt	17.000					17.000	
15	Đường giao thông nông thôn Há Sét - Huổi Kẹt, xã Nà Ốt	Xã Nà Ốt	1.200					1.200	
16	Đường giao thông nông thôn bản Cáy Ton, xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	7.500					7.500	
17	Đường giao thông NT bản Co Hát - Bó Lý, xã Chiềng Sung	Xã Chiềng Sung	12.000					12.000	
18	Đường giao thông nông thôn Huổi Săng - Phiêng Khá, xã Chiềng Nọi	Xã Chiềng Nọi	13.000					13.000	
19	Đường giao thông nông thôn Kết Nà - Nà Nhụng, xã Phiêng Păn	Xã Phiêng Păn	10.000					10.000	
20	Đường giao thông nông thôn Pá Hốc - Trung tâm xã, xã Tà Hộc	Xã Tà Hộc	16.000					16.000	
21	Đường giao thông nông thôn bản Khiềng - Nà lẩn, xã Chiềng Ve	Xã Chiềng Ve	17.000					17.000	

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Tổng diện tích (m ²)	Đất rừng đặc dụng (m ²)	Đất rừng phòng hộ (m ²)	Đất chuyên trồng lúa nước (m ²)	Đất trồng lúa còn lại (m ²)	Đất khác còn lại (m ²)	Ghi chú
22	Đường giao thông nông thôn Páng Săng B, xã Chiềng Kheo	Xã Chiềng Kheo	11.000					11.000	
23	Đường giao thông nông thôn Thẩm Hùn - Lọng Nghịu, xã Phiêng Cầm	Xã Phiêng Cầm	15.000					15.000	
24	Cầu treo tiểu khu 13 thị trấn Hát Lót	TT Hát Lót	143					143	
25	Công trình nước sinh hoạt điểm TĐC Noong Lay - Co Trai xã Mường bằng huyện Mai Sơn	Bản Sắng xã Mường Bằng	2.100			2000		100	
		Bản Cáp xã Mường Bằng	1.200			500	200	500	
		Bản Bó xã Mường Bằng	1.000			200	100	700	
		Bản Bằng xã Mường Bằng	1.000					1.000	
		Bản Co Trai xã Mường Bằng	1.400					1.400	
26	Công trình nước sinh hoạt điểm TĐC Nà Hùn xã Chiềng Chăn	Bản Nà Lúa, Sài Lương xã Chiềng Chăn	300					300	
27	Công trình nước sinh hoạt điểm TĐC bản Chi xã Chiềng Lương	Xã Chiềng Lương	1.500					1.500	
28	Công trình thủy lợi bản Chăm Viên, xã Chiềng Dong	Xã Chiềng Dong	5.000					5.000	
29	Dự án cấp nước Hồ Tiền Phong	Xã Hát Lót	72.000		40000		12.000	20.000	
30	Các công trình chống quá tải hàng năm	Huyện Mai Sơn	1.500					1.500	
31	Nhà Văn hóa bản Ít Hò	Xã Chiềng Sung	500					500	
32	Nhà văn hóa bản Nà Hạ, xã Nà Ốt	Xã Nà Ốt	500					500	
	HUYỆN MỘC CHÂU								
1	Công viên cây xanh tiểu khu 14	Thị trấn Mộc Châu	5.000					5.000	
	HUYỆN QUỲNH NHAI								
I	Xây dựng Chợ TT cụm 3 xã Mường Chiên, Pá Ma, Pha Khinh	Xã Pắc Ma - Pha Khinh	5.000			501	1.002	3.497	không thực hiện
III	NGHỊ QUYẾT SỐ 33/NQ-HĐND NGÀY 14/12/2016	13	1.522.270	0	123.000	195.200	283.400	920.670	
	THÀNH PHỐ SƠN LA								
1	Thu hồi đất của Công ty Cổ phần Lương thực Sơn La	Tổ 5, phường Chiềng Lê	670					670	
	HUYỆN YÊN CHÂU								
1	ĐA Hồ chứa nước Cò Chĩa (Huổi Thông)	Xã Yên Sơn	337.500			32.000		305.500	
2	Bãi chôn rác thải xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	12.000					12.000	
3	Nâng cấp hồ chứa và hệ thống kênh tưới tiêu xã Mường Lựm	Xã Mường Lựm	6.500					6.500	
	HUYỆN SÔNG MÃ								
1	Hồ chứa bản Púng, xã Chiềng Khoong	Bản Púng, xã Chiềng Khoong	125.000			15.000		110.000	
	HUYỆN PHÙ YÊN								
1	Khu trung tâm xã Mường Do	Xã Mường Do	20.000					20.000	
2	Nhà máy xử lý rác thải rắn	Xã Huy Tường	80.000					80.000	
	HUYỆN QUỲNH NHAI								
1	Thủy lợi bản Nang Cầu	Xã Chiềng Khoang	15.000			10.000	5.000	-	không thực hiện

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Tổng diện tích (m2)	Đất rừng đặc dụng (m2)	Đất rừng phòng hộ (m2)	Đất chuyên trồng lúa nước (m2)	Đất trồng lúa còn lại (m2)	Đất khác còn lại (m2)	Ghi chú
2	Mở mới đường bản Xanh (đoạn tuyến QL279 -:- bản Xanh -:- bản Nà Mạt)	Xã Mường Giôn	195.000		25.000	25.000	45.000	100.000	không thực hiện
3	Đường Trung tâm xã - Pom Hán (đoạn Co Săn - Pom Hán)	Xã Nậm É, xã Mường Sại	137.200		12.000	1.200	20.000	104.000	không thực hiện
4	Đường Nà Mùn - Nậm Ngừa (đoạn bản Ít Ta Bót - Nậm Ngừa) điều chỉnh bổ sung NQ 112	Xã Chiềng Khay	184.800		20.000	20.000	87.800	57.000	không thực hiện
5	Đường GT Tra Cỏ - Huổi Mạn Được (điều chỉnh NQ 112)	Xã Mường Giôn	261.600		36.000	72.000	53.600	100.000	không thực hiện
6	Đường GT Kéo Ca - Đán Đón (điều chỉnh NQ 112)	Xã Mường Giôn	147.000		30.000	20.000	72.000	25.000	không thực hiện
B	DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	34	916.887	132.211	369.023	291.013	306.663	-	
I	NGHỊ QUYẾT SỐ 126/NQ-HDDND NGÀY 08/7/2015	16	314.234	132.211	182.023	167.062	14.961	-	-
	THÀNH PHỐ SON LA								
1	Khách sạn Mường Thanh	Bản Buồn, phường Chiềng Cơi	18.000		18.000	18.000			
	HUYỆN YÊN CHÂU								
1	Đường tránh Quốc lộ 6 - Đoạn qua Thị trấn Yên Châu	Xã Sập Vạt, TT Yên Châu, xã Viêng Lán, xã Chiềng Păn	61.000	15.000	46.000	36.000	10.000		
	HUYỆN SÓP CỘP								
1	Thao trường huyện Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp	13.470	10.211	3.259		3.259		
	HUYỆN MAI SƠN								
1	Công trình đường nội đồng điểm TĐC 428-Nà Săng	Xã Hát Lót	3.000	3.000					
2	Nước sinh hoạt điểm TĐC bản Mế, xã Chiềng Chung (Trình bổ sung so với Nghị quyết 111/NQ-HĐND ngày 4/12/2014)	Xã Chiềng Chung	2.000	2.000					
3	Nước sinh hoạt điểm TĐC bản Ngòi, xã Chiềng Chung (Trình bổ sung so với Nghị quyết 111/NQ-HĐND ngày 4/12/2014)	Xã Chiềng Chung	1.000	1.000					
4	Đường Chiềng Ngần-Hát Lót đi bản Tra, bản Mai Tiên xã Mường Bon	Xã Mường Bon	200		200	200			
5	Công trình nước sinh hoạt điểm TĐC Nong Lay-Co Trai xã Mường Bằng	Xã Mường Bằng	2.000		2.000	2.000			
6	Công trình nước sinh hoạt điểm TĐC Nong Lay-Co Trai xã Mường Bằng	Xã Mường Bằng	700		700	500	200		
7	Công trình nước sinh hoạt điểm TĐC Nong Lay-Co Trai xã Mường Bằng	Xã Mường Bằng	300		300	200	100		
8	Công trình đường nội đồng điểm TĐC bản Chi xã Chiềng Lương	Xã Chiềng Lương	1.000	1.000					
	HUYỆN PHÙ YÊN								
1	Nhà máy thủy điện tích năng Đông Phù Yên	Xã Mường Lang	160.000	100.000	60.000	60.000			
2	Tuyến đường đô thị từ chợ thực phẩm huyện Phù Yên từ Đồng Đa - Chợ thực phẩm đến Đình Chu xã Quang Huy	Xã Quang Huy	30.000		30.000	30.000			
	HUYỆN QUỲNH NHAI	-							
1	Đường TTX - Bó Ún (giai đoạn 2) ngoài phạm vi GPMB xã Nậm É	Xã Nậm É	12.645		12.645	12.645	-		không thực hiện
2	Đường GTNT TT xã - bản Muông, bản Cọ, bản Cà Bống xã Nậm É (ngoài phạm vi GPMB)	Xã Nậm É	7.027		7.027	6.485	542		không thực hiện

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Tổng diện tích (m ²)	Đất rừng đặc dụng (m ²)	Đất rừng phòng hộ (m ²)	Đất chuyên trồng lúa nước (m ²)	Đất trồng lúa còn lại (m ²)	Đất khác còn lại (m ²)	Ghi chú
3	Đường Huổi Tân - Nà Phi xã Mường Sại	Xã Mường Sại	1.892		1.892	1.032	860		không thực hiện
II	NGHỊ QUYẾT SỐ 137/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2015	7	70.703	-	54.000	3.401	13.302	-	
	HUYỆN SÔNG MÃ								
1	Thao trường quân sự huyện Sông Mã	B. Púng, Hua Na xã Chiềng Khoong	10.000		10.000				
	HUYỆN MAI SƠN								
1	Đường Chiềng Ngần-Hát Lót đi bản Tra, bản Mai Tiên xã Mường Bon hạng mục bổ sung cầu treo	Bản Xa Cấn, xã Mường Bon	200			200			
2	Đường nội đồng điểm TĐC 428-Nà Sản	Xã Hát Lót	3.000		3.000				
3	Đường nội đồng điểm TĐC bản Chi xã Chiềng Lương	Xã Chiềng Lương	1.000		1.000				
4	Nước sinh hoạt điểm TĐC Noong Lay - Co Trai xã Mường Bằng	Bản Sắng, xã Mường Bằng	2.000			2.000			
		Bản Cáp, xã Mường Bằng	700			500	200		
		Bản Bó, xã Mường Bằng	300			200	100		
5	Cấp nước Hồ Tiền Phong	Xã Hát Lót	52.000		40.000		12.000		
	HUYỆN QUỲNH NHAI								
1	Chợ TT cụm 3 xã Mường Chiên, Pá Ma, Pha Khinh	Xã Pắc Ma - Pha Khinh	1.503			501	1.002		
III	NGHỊ QUYẾT SỐ 32/NQ-HĐND NGÀY 14/12/2016	11	531.950	-	133.000	120.550	278.400		
	HUYỆN YÊN CHÂU		-						
1	Dự án Hồ chứa nước Cò Chĩa (Huổi Thông)	Xã Yên Sơn	32.000			32.000			
2	Bãi chôn rác xã Chiềng Sàng	Xã Chiềng Sàng	10.000		10.000				
	HUYỆN SÔNG MÃ		-						
1	Hồ chứa bản Púng, Xã Chiềng Khoong	Bản Púng, Xã Chiềng Khoong	15.000			15.000			
	HUYỆN MAI SƠN		-						
1	Hệ thống cấp điện cho Khu công nghiệp huyện Mai Sơn	Các xã: Chiềng Mung, Mường Bằng, Mường Bon	150			150			
	HUYỆN PHÙ YÊN		-						
1	Đầu giá đất ở đô thị	Xã Huy Hạ	-						
	HUYỆN QUỲNH NHAI		-						
1	Mở mới đường bản Xanh (đoạn tuyến QL279 -:- bản Xanh -:- bản Nà Mạt)	Xã Mường Giôn	95.000		25.000	25.000	45.000		không thực hiện
2	Đường Trung tâm Xã - Pom Hán (đoạn Co Săn - Pom Hán)	Xã Nậm É, Xã Mường Sại	33.200		12.000	1.200	20.000		không thực hiện
3	Đường Nà Mùn - Nậm Ngừa (Đoạn tuyến bản bản Ít Ta Bót - Nậm Ngừa) (Điều chỉnh, Bổ sung NQ 111 và 112)	Xã Chiềng Khay	127.800		20000	20000	87800		không thực hiện
4	Thủy lợi bản Nang Cầu	Xã Chiềng Khoang	-						không thực hiện
5	Đường giao thông Tra Có - Huổi Mận Được (Điều chỉnh, Bsung NQ 111 và 112)	Xã Mường Giôn	96.800		36000	7200	53600		không thực hiện
6	Đường giao thông Kéo Ca - Đán Đón (Điều chỉnh, Bổ sung NQ 111 và 112)	Xã Mường Giôn	122.000		30000	20000	72000		không thực hiện

